

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày 16-7-2024

“V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Sân tòa: Bà Đặng Mai Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiện Bửu;

Ông Đào Ngọc Ứng.

- **Thư ký Sân tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp tham gia Sân tòa:** Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn Sân tòa số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Dương Trung T, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã W, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Dương Trung T là ông Hồ Thanh Y, sinh năm 1983 (Hợp đồng uỷ quyền ngày 29/3/2024).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn U, huyện R, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Nhật A, sinh năm 1979 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường D, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Ông Trần Văn S, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã N, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Sân tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Trung T là ông Hồ Thanh Y trình bày:

Ngày 30/5/2023 ông T cho ông A mượn số tiền 600.000.000đồng để làm ăn, khi mượn ông A có viết biên nhận, trong biên nhận không ghi nhận thời hạn trả tiền nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là thời hạn mượn tiền 09 ngày, từ ngày 30/5/2023 đến hết ngày 10/6/2023 ông A có nghĩa vụ trả số tiền đã mượn cho ông T, vì là cho mượn nên không tính lãi suất. Khi đến thời hạn ông T nhiều lần liên hệ yêu cầu ông A trả tiền, nhưng đến nay ông A hứa hẹn mà không thực hiện trả tiền.

Nay ông T yêu cầu ông A trả cho ông T số tiền mượn còn nợ là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông Lê Nhật A đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng có tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Sân tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Nhật A phải trả cho ông Dương Trung T số tiền vay 600.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại Sân tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Sân tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn Lê Nhật A hiện cư trú tại khóm 4, phường D, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại Sân tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành Sân tòa xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét việc ông Dương Trung T yêu cầu ông Lê Nhật A trả cho ông T số tiền vay còn nợ 600.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã cung cấp biên nhận ngày 30/5/2023 do ông A tự viết, ký tên thừa nhận có mượn của ông T số tiền 600.000.000đồng. Đồng thời ông Trần Văn S là bạn của ông T, ông A cũng đã xác nhận ông T có giao số tiền 600.000.000đồng cho ông A trước mặt ông S và ông A đã tự viết biên nhận như trên, hai bên cũng tự thỏa thuận miệng thời hạn trả tiền là 09 đến 10 ngày, kể từ ngày mượn tiền. Từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông A không gửi văn bản ý kiến và các tài liệu, chứng cứ kèm theo về việc phản đối yêu cầu của ông T. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và ông A phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc”*.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Dương Trung T yêu cầu ông Lê Nhật A trả số tiền 600.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại Sân tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Bị đơn ông Lê Nhật A phải chịu án phí đối với phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền là 28.000.000đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

[4.2] Nguyên đơn ông Dương Trung T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp là 14.000.000đồng (Mười

bốn triệu đồng) theo biên lai số 0005039 ngày 29/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1, 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Trung T.

Buộc ông Lê Nhật A có trách nhiệm trả cho ông Dương Trung T số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày ông Dương Trung T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Nhật A chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Nhật A phải chịu số tiền 28.000.000đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Ông Dương Trung T được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai số 0005039 ngày 29/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong A hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024). Đương sự vắng mặt tại Sân tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. R;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA SÂN TÒA**

Đặng Mai Trinh